

Bản án số: 30/2017/DS - ST
Ngày: 23-8-2017
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về góp hụi và vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Vũ.
2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2017 về việc “*tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi và vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2017/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1962; địa chỉ: ấp C, xã V, huyện T, tỉnh K; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Kim N, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp C, xã V, huyện T, tỉnh K; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp C, xã V, huyện T, tỉnh K; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Năm 2014, bà H làm chủ hội, bà Trần Kim N có tham gia 15 chân hội trong các dây hội cụ thể sau:

Dây hội mở ngày 30/7/2014, gồm 42 chân, hội 300.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, bà N tham gia 3 chân, ngày mãn hội là ngày 30/12/2017. Ngày 30/7/2014 bà N hót chân thứ nhất được 7.650.000 đồng (hội bỏ 100.000 đồng). Ngày 30/8/2014 bà N hót chân thứ hai được 6.285.000 đồng (hội bỏ 135.000 đồng). Ngày 30/6/2016 bà N hót chân thứ ba được 9.510.000 đồng (hội bỏ 130.000 đồng).

Dây hội mở ngày 04/12/2015, gồm 33 chân, hội 300.000 đồng, 15 ngày khai một lần, bà N tham gia 2 chân, ngày mãn hội là ngày 19/4/2017. Ngày 04/12/2015 bà N hót chân thứ nhất được 6.050.000 đồng (hội bỏ 100.000 đồng). Ngày 04/6/2016 bà N hót chân thứ hai được 7.900.000 đồng (hội bỏ 50.000 đồng)

Dây hội mở ngày 08/01/2015, gồm 40 chân, hội 500.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, bà N tham gia 3 chân, ngày mãn hội là ngày 08/3/2018. Ngày 08/3/2015 bà N hót chân thứ nhất được 8.500.000 đồng (hội bỏ 250.000 đồng). Ngày 08/8/2015 bà N hót chân thứ hai được 10.500.000 đồng (hội bỏ 250.000 đồng). Ngày 08/5/2016 bà N hót chân thứ ba được 13.050.000 đồng (hội bỏ 260.000 đồng)

Dây hội mở ngày 27/4/2015, gồm 35 chân 500.000 đồng, mỗi tháng khai hội một lần, bà N tham gia 3 chân, ngày mãn hội là ngày 27/2/2018. Ngày 27/5/2015 bà N hót chân thứ nhất được 8.620.000 đồng (hội bỏ 230.000 đồng). Ngày 27/6/2015 bà N hót chân thứ hai được 7.690.000 đồng (hội bỏ 260.000 đồng). Ngày 27/11/2015 bà N hót chân thứ ba được 8.750.000 đồng (hội bỏ 250.000 đồng)

Dây hội ngày 29/7/2016, gồm 21 chân, hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, bà N tham gia 1 chân, ngày mãn hội là ngày 29/3/2018. Ngày 29/9/2016 bà N hót hội được 13.200.000 đồng (hội bỏ 350.000 đồng).

Dây hội tuần (chủ nhật) áp ngày 21/6/2016, gồm 42 chân, hội 100.000đ, bà N tham gia 2 chân, chân hội này đã mãn vào tháng 4/2017. Ngày 21/6/2017 bà N hót chân thứ nhất được 2.900.000 đồng (hội bỏ 25.000 đồng). Ngày 28/6/2016 bà N hót chân thứ hai được 2.750.000 đồng (hội bỏ 30.000 đồng)

Dây hội tuần (thứ 4) áp ngày 12/9/2016 gồm 34 chân 100.000 đồng, bà N tham gia 1 chân, hội đã mãn vào tháng 5/2017. Ngày 12/9/2016 bà N hốt hội được 2.425.000 đồng (hội bỏ 25.000 đồng)

Sau khi hốt các dây hội trên, bà N có đóng hội cho bà H nhưng không đầy đủ. Đến ngày 20/10/2016, bà H và bà N tính hội thì bà N còn nợ bà H 22.000.000 đồng. Ngày 08/11/2016, bà H và bà N tính lần 2 thì bà N nợ bà H thêm 6.900.000 đồng. Ngày 21/12/2016, bà N nợ bà H thêm 2.400.000 đồng. Ngày 08/12/2016, nợ bà H thêm 9.200.000 đồng. Ngày 20/01/2017, bà N nợ bà H thêm 4.500.000 đồng. Tính đến ngày 08/5/2017, bà N nợ bà H số tiền hội là 81.200.000 đồng.

Ngoài ra, bà N có nhờ bà H hỏi vay nhiều lần với tổng số tiền là 25.000.000 đồng. Cụ thể: Lần 1 vay ngày 25/10/2015 số tiền 5.000.000 đồng; lần 2 vay ngày 29/01/2016 số tiền 10.000.000 đồng; lần 3 vay ngày 12/3/2016 số tiền 5.000.000 đồng; lần 4 vay ngày 15/6/2016 số tiền 5.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện, bà H yêu cầu bà N trả 25.000.000 đồng và tiền lãi là 21.300.000 đồng. Tại phiên tòa, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu tiền vốn vay là 25.000.000 đồng và tính lãi theo pháp luật kể từ ngày 23/7/2016 cho đến ngày xét xử (23/8/2017), lãi suất 1%.

Tại các lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Trần Kim N trình bày: Bà N thống nhất lời trình bày của bà H, tính đến ngày 08/5/2017, bà N còn nợ bà H tiền hội là 81.200.000 đồng. Ngoài ra, bà N có hỏi vay tiền của bà H nhiều lần tổng số tiền là 25.000.000 đồng, cụ thể ngày tháng năm nào bà không nhớ, lãi suất vay 15%/tháng, bà đóng lãi từ khi vay cho đến ngày 17/10/2016 cụ thể bao nhiêu tiền bà không nhớ. Số tiền lãi đã đóng bà N không yêu cầu tính lại. Nay bà N thống nhất trả cho bà H số tiền vay là 25.000.000 đồng và lãi suất theo bà H yêu cầu nhưng xin trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng đối với 2 khoản tiền trên cho đến khi dứt số nợ.

Tại các lời khai tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Đ trình bày: Ông Đ có tham gia hội của bà H 01 chân hội 500.000 đồng, áp ngày tháng năm ông không nhớ. Dây hội bao nhiêu chân ông không nhớ, ông đóng được 1 lần, lần sau ông hỏi hốt hội thì bà H nói vợ ông là bà N hốt rồi, ông cũng không hỏi bà N hốt hội để làm gì. Từ đó về sau ông cũng không đóng hội cho bà H. Nay bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả tiền vay 25.000.000 đồng vốn và lãi suất theo pháp luật và tiền hội tính đến ngày 05/8/2017 là

81.200.000 đồng, vợ ông là bà N thừa nhận và ông cũng thống nhất trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi dứt số nợ.

Về nội dung vụ án các bên đã thống nhất: Từ năm 2014 cho đến nay, bà H làm chủ hội, bà N làm hội viên. Quá trình tham gia hội thì bà N đã hốt tất cả 15 chân hội. Sau đó, bà N không đóng hội chết cho bà H. Tính đến ngày 08/5/2017, bà N còn nợ lại bà H số tiền là 81.200.000 đồng. Đối với số tiền vay hai bên thống nhất bà N có vay của bà H 3 lần tổng cộng là 25.000.000 đồng và thống nhất trả lãi suất 1% từ ngày 23/7/2016 đến ngày xét xử là 13 tháng bằng 3.250.000 đồng, tổng vốn và lãi là 28.250.000 đồng. Việc tham gia hội này chồng bà N là ông Võ Văn Đ có biết nên bà H yêu cầu vợ chồng bà N, ông Đ cùng trả.

Các bên không thống nhất: Bà N, ông Đ thống nhất có nợ số tiền hội và tiền vay như bà H yêu cầu nhưng xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Bà H không thống nhất.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự do bị đơn đã thống nhất thừa nhận số tiền nợ hội và tiền vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[1] Sự việc được các bên thống nhất, cụ thể: Vợ chồng bà N, ông Đ thừa nhận có chơi hội do bà H làm chủ và tính đến ngày 08/5/2017, vợ chồng bà N còn nợ lại bà H số tiền là 81.200.000 đồng và có vay của bà H nhiều lần tổng cộng là 25.000.000 đồng. Vì vậy, HĐXX căn cứ Điều 92 (*quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*) của Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận đó là sự thật.

[2] Xét thấy: Bà N là hội viên, sau khi hốt các chân hội cho đến ngày 08/5/2017 đã vi phạm nghĩa vụ của hội viên theo quy định tại Điều 30 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hội, bêu, phường. Đồng thời vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo quy định tại Điều

474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu trả tiền nợ hui và tiền vay là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc vợ chồng bà N, ông Đ trả cho bà H số tiền là 109.450.000 đồng (trong đó tiền hui là 81.200.000 đồng và tiền vay là 28.250.000 đồng).

[3] Đối với yêu cầu xin trả hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng của vợ chồng bà N không được nguyên đơn bà H chấp nhận nên HĐXX không có cơ sở ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn bà N, ông Đ phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành là $109.450.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.472.500 \text{ đồng}$.

[5] Hoàn trả cho bà H tiền tạm ứng án phí là 3.187.000 đồng theo biên lai thu số 0004201 ngày 22/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hộ, hui, bêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H về việc “*tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui và vay tài sản*” với vợ chồng bà Trần Kim N, ông Võ Văn Đ.

Buộc vợ chồng bà N, ông Đ trả cho bà H số tiền là 109.450.000 đồng (trong đó tiền hui là 81.200.000 đồng và tiền vay là 28.250.000 đồng).

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án nếu vợ chồng bà N, ông Đ không trả thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2- Án phí sơ thẩm:

Bà Trần Kim N, ông Võ Văn Đ phải chịu án phí là 5.472.500 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu H được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 754.000 đồng theo biên lai thu số 0004254 ngày 04/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3- Nguyên đơn (có mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Phong;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kiều Diễm

.

